TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN SƠN TRÀ – TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:63/2020/QĐST-HNGĐ	*Sơn Trà, ngày 18 tháng 03 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ – TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ: Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc HNGĐ thụ lý số 62/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 03 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông Hồ Sĩ T – Sinh năm: 1987; Trú tại: M Nguyễn Duy H, tổ N, phường An Hải Đ, quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng.

Bà Ông Thị N - Sinh năm:1987; Trú tại: K Nguyễn Hữu T, tổ H, phường Hòa Thuận T, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục: Đơn yêu cầu của ông Hồ Sĩ T và bà Ông Thị N nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Hồ Sĩ T và bà Ông Thị N kết hôn tại Giấy chứng nhận kết hôn số 97/2015, tại UBND phường An Hải Đ, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 08/08/2015. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên hòa giải ông Hồ Sĩ T trình bày ý kiến:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Ông Thị N có đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại UBND phường An Hải Đ, quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau thời gian chung sống với nhau, chúng tôi càng ngày càng

không tìm được tiếng nói chung, không hiểu nhau và thường xuyên cãi nhau dẫn đến gia đình luôn ồn ào. Nay chúng tôi xác định không còn yêu thương nhau nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết Công nhận thuận tình ly hôn cho chúng tôi.

- Về nuôi con chung: Tôi và bà Ông Thị N xác định vợ chồng có 01 con chung tên là Hồ Nhật M sinh ngày 14.9.2016. Khi ly hôn, tôi và bà Ông Thị N thỏa thuận giao con Hồ Nhật M cho bà Ông Thị N trực tiếp nuôi dưỡng và tôi có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 01/04/2020.

- Về tài sản chung: Tôi xác định tôi và bà Ông Thị N không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Tôi xác định tôi và bà Ông Thị N không có nợ chung.

* Ý kiến của bà Ông Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Hồ Sĩ T có đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại UBND phường An Hải Đ, quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau thời gian chung sống với nhau, chúng tôi càng ngày càng không tìm được tiếng nói chung, không hiểu nhau và thường xuyên cãi nhau dẫn đến gia đình luôn ồn ào. Nay chúng tôi xác định không còn yêu thương nhau nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết Công nhận thuận tình ly hôn cho chúng tôi.

- Về nuôi con: Tôi và ông Hồ Sĩ T xác định vợ chồng có 01 con chung tên là Hồ Nhật M sinh ngày 14.9.2016. Khi ly hôn, tôi và ông Hồ Sĩ T thỏa thuận giao con Hồ Nhật M cho tôi trực tiếp nuôi dưỡng và ông Hồ Sĩ T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 01/04/2020.

- Về tài sản chung: Tôi xác định tôi và ông Hồ Sĩ T không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Tôi xác định tôi và ông Hồ Sĩ T không có nợ chung.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Hồ Sĩ T và bà Ông Thị N thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông T và bà N lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông T và bà N đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông T và bà N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông T và bà N là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Ông Hồ Sĩ T và bà Ông Thị N xác định vợ chồng có 01 con chung tên là Hồ Nhật M sinh ngày 14.9.2016. Khi ly hôn, ông Hồ Sĩ T và bà Ông Thị N thỏa thuận giao con Hồ Nhật M cho bà Ông Thị N trực tiếp nuôi dưỡng và ông Hồ Sĩ T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 01/04/2020.

[5] Về nợ chung: Ông Hồ Sĩ T và bà Ông Thị N xác định không có nợ chung.

[6] Về tài sản chung: Ông Hồ Sĩ T và bà Ông Thị N xác định không có tài sản chung.

[7] Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng ông Hồ Sĩ T và bà Ông Thị N thỏa thuận mỗi người phải chịu 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng do ông Hồ Sĩ T và bà Ông Thị N đã nộp theo biên lai thu số 0008443 ngày 03/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 03 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn ông Hồ Sĩ T và bà Ông Thị N (*Giấy chứng nhận kết hôn số 97/2015, UBND phường An Hải Đ, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 08/08/2015 không còn giá trị pháp lý).*

- Về nuôi con chung: Ông Hồ Sĩ T và bà Ông Thị N xác định vợ chồng có 01 con chung tên là Hồ Nhật M sinh ngày 14.9.2016. Khi ly hôn, ông Hồ Sĩ T và bà Ông Thị N thỏa thuận giao con Hồ Nhật M cho bà Ông Thị N trực tiếp nuôi dưỡng và ông Hồ Sĩ T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 01/04/2020.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung;

- Về quan hệ nợ chung Ông Hồ Sĩ T và bà Ông Thị N xác định không có nợ chung.

- Về tài sản chung: Ông Hồ Sĩ T và bà Ông Thị N xác định không có tài sản chung.

2. Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng ông Hồ Sĩ T và bà Ông Thị N thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng do ông Hồ Sĩ T và bà Ông Thị N đã nộp theo biên lai thu số 0008443 ngày 03/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- UBND phường An Hải Đ;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

ĐÃ KÝ

DƯƠNG THỊ KIM NHUNG